

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh màu
(4x6cm)
Colour
photo

GIẤY XÁC NHẬN
KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG
CERTIFICATION OF EXEMPTION FROM WORK PERMIT
Số GXN¹ /No CEWP:

1. Họ và tên (In hoa)/Full name (In capital letters):
2. Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:
3. Giới tính (Nam/Nữ)/Sex (Male/Female):
4. Quốc tịch/Nationality:
5. Số hộ chiếu/Passport number:
6. Mã số định danh cá nhân (nếu có)/Personal Identification Number (If any):
.....
7. Làm việc tại/Working at:
- 7.1. Tên người sử dụng lao động/Name of employer:
- 7.2. Vị trí công việc (Nếu có)²/Job assignment (If any):
- Cụ thể, lĩnh vực làm việc³/Job field:
- 7.3. Hình thức làm việc (cụ thể trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động)⁴/Working form (If any):
- 7.4. Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc)⁵/Working place:
.....
- 7.5. Thời hạn làm việc/Period of work: Từ (ngày/tháng/năm)/from (day/month/year)
..... đến (ngày/tháng/năm)/to (day/month/year)
8. Tình trạng giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động⁶/Status
of certification of exemption from work permit:

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT.

....., ngày tháng năm
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Số GXN ghi theo thứ tự như sau: mã số tỉnh, thành phố; 2 chữ số cuối của năm cấp; loại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (cấp mới ký hiệu 1, gia hạn ký hiệu 2, cấp lại ký hiệu 3); số thứ tự (000.001).

Ví dụ: Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Hà Nội cấp mới năm 2026: Số GXN: 01.26.1.000.001

(2) Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; Chuyên gia; Lao động kỹ thuật hoặc khác.

(3) Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghề nghiệp dự kiến làm theo mã nghề cấp 5 của Phụ lục I Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục nghề nghiệp Việt Nam. Trường hợp chưa có ghi rõ tên công việc/ngành nghề nghiệp cụ thể.

(4) Ghi cụ thể các trường hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

(5) Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố.

(6) Ghi cụ thể: Cấp mới/Cấp lại (lần ...)/Gia hạn